

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 18-12-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 259/2020/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lù Vĩnh L; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* ông Vòng A C; Sinh năm: 1985

Địa chỉ: thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lù Vĩnh L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông Vòng A C tự nguyện chung sống vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu bà L và ông C chung sống hạnh phúc, nhưng ông C có tính tham mê cờ bạc nên thường xuyên đi chơi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến nay thì ông C chơi cờ bạc quá nhiều làm được bao nhiêu tiền cũng đổ hết vào bài bạc, vợ chồng có mỗi thửa đất ông C cũng thế chấp để chơi cờ bạc, ông C không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vì ông C ham mê cờ bạc nên kinh tế

gia đình ngày càng xa sút, bà L nhiều lần khuyên ông C nhưng anh cũng không hề thay đổi. Đến nay bà L thấy tình cảm vợ chồng không thể cứu vãn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho bà L được ly hôn với ông C.

Về con chung: có 03 cháu gồm Vòng Cảnh P, sinh ngày 20/6/2010, cháu Vòng Cảnh Y, sinh ngày 13/4/2012 và Vòng Cảnh D, sinh ngày 01/11/2017. Bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 03 cháu.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Vòng A Cường*: Qua xác minh tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước được biết anh Vòng A C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nhưng đã đi khỏi địa phương khoảng từ năm 2018, ông C không thông báo với chính quyền địa phương, địa phương không biết ông C đang cư trú tại đâu. Tòa án nhân dân huyện B đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, đã thông báo trên đài truyền hình trung ương, báo trung ương nhưng ông C không liên hệ, không đến Tòa án huyện B để làm việc.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao 03 cháu Vòng Cảnh P, sinh ngày 20/6/2010, cháu Vòng Cảnh Y, sinh ngày 13/4/2012 và Vòng Cảnh D, sinh ngày 01/11/2017 cho bà Lù Vĩnh L trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Lù Vĩnh L và ông Vòng A C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 05/6/2010 đã được bà L giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lù Vĩnh L và ông Vòng A C là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: bà L và ông C chung sống với nhau từ năm 2009. Tuy nhiên ông C có tính tham mê cờ bạc nên thường xuyên đi chơi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cho đến nay thì ông C chơi cờ bạc thường xuyên, ông C không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên kinh tế gia đình ngày càng xa sút, bà L nhiều lần khuyên ông C nhưng anh cũng không hề thay đổi. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Toà án tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản, đã thông báo trên đài truyền hình trung ương, báo trung ương nhưng ông C không đến tham gia phiên tòa cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình nên xem như tự mình từ bỏ quyền chứng minh của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà L và ông C có mâu thuẫn xảy ra và mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng. Mặt khác, có đủ cơ sở bà L và ông C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

[2] Về con chung: có 03 cháu gồm Vòng Cảnh P, sinh ngày 20/6/2010, cháu Vòng Cảnh Y, sinh ngày 13/4/2012 và Vòng Cảnh D, sinh ngày 01/11/2017. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03. Việc giao 03 cháu cho bà L trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng các cháu, mặt khác ông C tự mình từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lù Vĩnh L về việc ly hôn. bà Lù Vĩnh L được ly hôn với ông Vòng A C.

[2]. Về con chung: Giao 03 cháu gồm Vòng Cảnh P, sinh ngày 20/6/2010, cháu Vòng Cảnh Y, sinh ngày 13/4/2012 và Vòng Cảnh D, sinh ngày 01/11/2017 cho bà Lù Vĩnh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc đến khi các cháu thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết,

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Lù Vĩnh L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010424 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điền Thị Hạnh